TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 558/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2025
V/v: Tranh chấp ly hôn giữa
bà T và ông P

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc A M

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim H

2. Bà Đặng Thu V

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu T1 – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh N – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 721/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 113/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Thu T, sinh ngày 30/11/1991

Căn cước công dân số: 079191004455 Ngày cấp: 02/3/2021

Nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội

Nơi thường trú: Số B B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi cư trú: 3 T, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh P, sinh ngày 23/12/1987

Chứng minh nhân dân số: 023976953 Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ: Số A N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2024 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thu T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Minh P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/01/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 013. Trong quá trình chung sống, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tính không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Ông P không quan tâm đến vợ con cũng như không chăm sóc, vun vén tình cảm gia đình. Bà và ông P đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông P.

Trong quá trình chung sống, bà T và ông P có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Mai P1, sinh ngày 08/02/2010. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, bà T tự khai giữa bà và ông P không có tài sản chung và không vay nợ gì của ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Minh P đang chấp hành cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy P2 nên Tòa án tiến hành làm việc với ông P tại nơi ông P đang cai nghiện. Tại Bản tự khai ngày 15/01/2025, ông P xác nhận ông có đăng ký kết hôn với bà T tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Do ông và bà T đã ly thân được 10 năm nên ông P đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung, ông P đồng ý giao con chung Nguyễn Ngọc Mai P1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, ông P xác định vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai. Đồng thời, ông P xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, công khai chứng cứ, xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Ngọc Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Thu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc Thu T thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn là ông Nguyễn Minh P có nơi cư trú tại Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thu T và bị đơn ông Nguyễn Minh P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Bà Nguyễn Ngọc Thu T và ông Nguyễn Minh P sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 013, đăng ký ngày 21/01/2010, nên xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T, bà T trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống, tính tình không phù hợp, ông P không chăm sóc, vun vén tình cảm gia đình. Bà T xác định không còn sống chung với ông P từ năm 2013 cho đến nay. Tại Bản tự khai ngày 15/01/2025, ông P trình bày hai bên đã ly thân 10 năm nên ông P đồng ý ly hôn với bà T. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông P không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn

đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà T cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, bà T và ông P đều xác nhận cả hai có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Mai P1, sinh ngày 08/02/2010. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, trẻ Mai P1 có nguyện vọng sống chung với bà T. Xét yêu cầu này là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên có cơ sở để chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà T và ông P tự khai không có.

Về nợ chung: Bà T và ông P tự khai không nợ gì của ai.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án thì bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Thu T

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Minh P.

- Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc Thu T và ông Nguyễn Minh P có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Mai P1, sinh ngày 08/02/2010.

Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Mai P1, sinh ngày 08/02/2010 cho bà Nguyễn Ngọc Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Minh P cho đến khi có yêu cầu.

Ông Nguyễn Minh P có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự khai không có.

- Về nợ chung: Các đương sự tự khai không có.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Ngọc Thu T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0030453 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Nguyễn Ngọc Thu T, ông Nguyễn Minh P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND Phường A, Quận H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Ngọc Ánh Minh